

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/DS-ST

Ngày: 13-9-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Yến Nhi;
2. Ông Phạm Thành Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, Thông báo về việc dời ngày xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 01/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP T;**

Địa chỉ: Phường Đ, quận K, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật:

Ông Đỗ Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP T;

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông **Lê Hồng N1** – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối xử lý và thu hồi nợ – TPBank;

- Ông **Đinh Việt C** – Quyền Giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối xử lý và thu hồi nợ – TPBank;

- Ông **Nguyễn Vũ L** – Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân - Khối xử lý và thu hồi nợ – TPBank;

- Ông **Đỗ Tuấn T** – Quyền Giám đốc Trung tâm xử lý nợ 1 - Khối xử lý và thu hồi nợ – TPBank;

- Ông **Huỳnh Văn Bảo T1** – Quyền Giám đốc Trung tâm xử lý nợ - Khối xử lý và thu hồi nợ - TPBank (Ông Huỳnh Văn Bảo T1 ủy quyền lại cho ông **Lê Nhất T2** – Chuyên viên chính Phòng tổ tụng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ 1 – Khối xử lý và thu hồi nợ - TPBank và ông **Phạm Văn T3** – Chuyên viên cao cấp Phòng Phòng tổ tụng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ 2 – Khối xử lý và thu hồi nợ - TPBank, theo Giấy ủy quyền số 527/2023/UQ-TPB.DR ngày 08/8/2023);

- Bà **Phạm Thị H** – Trưởng phòng thu hồi nợ qua điện thoại - Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân - Khối xử lý và thu hồi nợ – TPBank;

(Theo Giấy ủy quyền số 02/2023/UQ-TPB.HĐQT ngày 30/5/2023 của ông **Đỗ Minh Phú**)

- Ông **Nguyễn Văn V** – Phó phòng phụ trách phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân miền Nam – Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – Khối xử lý và thu hồi nợ - TPBank;

- Ông **Nguyễn Thành T4** – Phó phòng phụ trách phòng Tổ tụng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ 2 – Khối xử lý và thu hồi nợ - TPBank;

- Ông **Đỗ Hoài D** – Phó phòng phụ trách Phòng xử lý nợ trực tiếp - Trung tâm xử lý nợ 2 – Khối xử lý và thu hồi nợ - TPBank;

- Ông **Nguyễn Xuân T5** - Phó phòng phụ trách phòng Tổ tụng xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ 1 – Khối xử lý và thu hồi nợ - TPBank;

- Ông **Lê Tuấn V1** - Phó phòng phụ trách Phòng xử lý nợ trực tiếp - Trung tâm xử lý nợ 1 – Khối xử lý và thu hồi nợ - TPBank.

(Theo Giấy ủy quyền số 05/2023/UQ-TPB.HĐQT ngày 18/10/2023 của ông **Đỗ Minh Phú**)

Địa chỉ liên hệ: Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* **Công ty TNHH MTV Xây dựng V;**

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Văn N** – Giám đốc;

Nơi làm việc: Ấp T, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, thành phố B1, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Phan Văn N**, sinh năm 1987;

Nơi làm việc: Ấp T, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, thành phố B1, tỉnh Bến Tre.

(Ông T2 có mặt, tất cả các đương sự khác đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung; Bản khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T là ông Lê Nhất T2 trình bày:

Công ty TNHH MTV Xây dựng V (ghi tắt là Công ty V) có ký các hợp đồng tín dụng và có đề nghị phát hành thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP T – chi nhánh Tiền Giang (ghi tắt là Ngân hàng), cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/01 ngày 16/11/2020, Khế ước giải ngân và nhận nợ ngày 16/11/2020: số tiền vay là 970.000.000 (chín trăm bảy mươi triệu) đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe; thời hạn vay là 84 tháng; lãi suất từ ngày 16/11/2020 đến ngày 16/11/2021 là 7%/năm, từ sau ngày 16/11/2021 thì sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,3%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc là trả nhiều lần theo lịch trả nợ của Ngân hàng, định kỳ 01 tháng/lần (theo đó mỗi tháng Công ty V phải trả nợ gốc là 11.547.619 (mười một triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm mười chín) đồng); kỳ hạn trả nợ lãi là 01 tháng/lần vào ngày 05 theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền 970.000.000 (chín trăm bảy mươi triệu) đồng cho Công ty TNHH kinh doanh Thương mại dịch vụ V1 qua tên tài khoản Công ty TNHH kinh doanh Thương mại dịch vụ V1, số tài khoản 19135192838189 tại Ngân hàng T1 – Hội sở Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/02 ngày 16/11/2020, Khế ước giải ngân và nhận nợ ngày 16/11/2020: số tiền vay là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng, mục đích vay là thanh toán phí bảo hiểm; thời hạn vay là 84 tháng; lãi suất từ ngày 16/11/2020 đến ngày 16/02/2021 là 13,7%/năm, từ sau ngày 16/02/2021 thì sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 6,2%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc là trả nhiều lần theo lịch trả nợ của Ngân hàng, định kỳ 01 tháng/lần (theo đó mỗi tháng Công ty V phải trả nợ gốc là 214.286 (hai trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu) đồng); kỳ hạn trả nợ lãi là 01 tháng/lần vào ngày 05 theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng cho Tổng công ty cổ phần B qua tên tài khoản Tổng công ty cổ phần B, số tài khoản 2345 8668 001 tại Ngân hàng TPBANK.

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021, Khế ước giải ngân và nhận nợ ngày 05/5/2021: số tiền vay là 974.000.000 (chín trăm bảy mươi bốn triệu) đồng; mục đích vay là thanh toán tiền mua xe; thời hạn vay là 84 tháng; lãi suất từ ngày 05/5/2021 đến ngày 05/5/2022 là 8,2%/năm, từ sau ngày 05/5/2022 thì sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12

tháng dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,3%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc là trả nhiều lần theo lịch trả nợ của Ngân hàng, định kỳ 01 tháng/lần (theo đó mỗi tháng Công ty V phải trả nợ gốc là 11.595.238 (mười một triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi tám) đồng; kỳ hạn trả nợ lãi là 01 tháng/lần vào ngày 05 theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền 974.000.000 (chín trăm bảy mươi bốn triệu) đồng cho Công ty TNHH kinh doanh Thương mại dịch vụ V1 qua tên tài khoản Công ty TNHH kinh doanh Thương mại dịch vụ V1, số tài khoản 19135192838189 tại Ngân hàng T1 – Hội sở Hà Nội.

- Ngày 27/5/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho vay số tiền 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng; mục đích là thanh toán phí bảo hiểm vật chất xe; thời hạn là 06 tháng; lãi suất cố định là 18%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc và nợ lãi là ngày 05 hàng tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 05/6/2022. Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng vào tài khoản chuyên thu nhận phí, số tài khoản 8668.8668.026, chủ tài khoản Tổng công ty cổ phần B.

- Thẻ tín dụng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế danh cho khách hàng doanh nghiệp số 06/2021/TTD ngày 13/5/2021: hạn mức tín dụng là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, loại thẻ Platinum, lãi suất là 18,5%/năm.

Ngày 07/10/2021, Công ty V đề nghị cơ cấu thời gian trả nợ, Ngân hàng đồng ý, cụ thể:

- Theo Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/01 ngày 16/11/2020, Ngân hàng đồng ý điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc là trả nhiều lần theo lịch trả nợ do Ngân hàng gửi khách hàng, định kỳ 01 tháng/lần, ngoại trừ toàn bộ gốc đến hạn từ kỳ hạn tháng 11/2021 đến hết kỳ hạn tháng 02/2022 sẽ chia đều cho các kỳ trả nợ từ kỳ hạn tháng 3/2022 đến kỳ hạn tháng 10/2022. Do đó, Ngân hàng đã giải ngân số tiền tương ứng 04 tháng (từ kỳ hạn tháng 11/2021 đến hết kỳ hạn tháng 02/2022) để trả nợ gốc cho khoản vay được cơ cấu, chi tiết: số tiền cơ cấu là 46.190.476 (bốn mươi sáu triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng, thời hạn là từ kỳ hạn tháng 3/2022 đến kỳ hạn tháng 10/2022.

- Theo Hợp đồng cho vay số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021, Ngân hàng đồng ý điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc là trả nhiều lần theo lịch trả nợ do Ngân hàng gửi khách hàng, định kỳ 01 tháng/lần, ngoại trừ toàn bộ gốc đến hạn từ kỳ hạn tháng 11/2021 đến hết kỳ hạn tháng 02/2022 sẽ chia đều cho các kỳ trả nợ từ kỳ hạn tháng 3/2022 đến kỳ hạn tháng 10/2022. Do đó, Ngân hàng đã giải ngân số tiền tương ứng 04 tháng (từ kỳ hạn tháng 11/2021 đến hết kỳ hạn tháng 02/2022) để trả nợ gốc cho khoản vay được cơ cấu, chi tiết: số tiền cơ cấu là 46.380.952 (bốn mươi sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn chín trăm năm mươi hai) đồng, thời hạn là từ kỳ hạn tháng 3/2022 đến kỳ hạn tháng 10/2022.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Công ty V đã ký các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 216/2020/HDBD/TGG/01 ngày 16/11/2020, theo đó thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại LUX SA2.0/X7B2ALRVN, màu

xám, số khung RPXAB2RXGLV00151, số máy 200310007VF20SUV, biển kiểm soát 71A-098.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020641 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 13/11/2020.

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021, theo đó thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại LUX SA2.0 PLUS/X7B2ALRVN, màu đỏ, số khung RPXAB2RXGMV002748, số máy 210830013VF20SUV, biển kiểm soát 71A-110.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71001393 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/4/2021.

Ngày 16/11/2020 và ngày 05/5/2021, ông N có ký cam kết một cách vô điều kiện và không hủy ngang về việc chịu trách nhiệm thay cho Công ty V trả đầy đủ toàn bộ dư nợ gốc và bất kỳ khoản lãi, phí, chi phí, phạt hợp đồng, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác mà Công ty V có nghĩa vụ thực hiện và phải trả/thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và theo đúng yêu cầu của Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng trên, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo thu hồi nợ trước hạn nhưng Công ty V và ông N vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Trước đây, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty V và ông N liên đới trả các số nợ theo các hợp đồng và thỏa thuận trên. Tuy nhiên, qua xem xét, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Ngân hàng yêu cầu Công ty V và ông N liên đới trả tổng số nợ tính đến ngày 13/9/2024 là 2.123.507.515 (hai tỷ một trăm hai mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn năm trăm mười lăm) đồng, gồm:

+ Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/01 ngày 16/11/2020: tổng số nợ là 985.689.984 đồng, gồm nợ gốc là 727.500.001 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.405.049 đồng, nợ lãi quá hạn là 238.784.934 đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021: tổng số nợ là 1.137.817.531 đồng, gồm nợ gốc là 806.666.668 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.929.996 đồng, nợ lãi quá hạn là 301.220.867 đồng.

- Ngân hàng yêu cầu Công ty V trả tổng số nợ tính đến ngày 13/9/2024 là 180.574.355 (một trăm tám mươi triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi lăm) đồng, gồm:

+ Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/02 ngày 16/11/2020: tổng số nợ là 20.597.506 đồng, gồm nợ gốc là 13.928.566 đồng, nợ lãi trong hạn là 472.064 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.196.876 đồng.

+ Ngân hàng đã giải ngân cho vay số tiền 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng ngày 27/5/2022: tổng số nợ là 16.025.593 đồng, gồm nợ gốc là 10.083.333 đồng, nợ lãi trong hạn là 452.507 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.489.753 đồng.

+ Thẻ tín dụng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế

dành cho khách hàng doanh nghiệp số 06/2021/TTD ngày 13/5/2021: tổng số nợ là 143.951.256 đồng, gồm nợ gốc là 91.958.693 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.843.161 đồng, nợ lãi quá hạn là 49.149.402 đồng.

Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu tính lãi tiếp tục từ ngày 14/9/2024 đến khi Công ty V và ông N trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp Công ty V và ông N không trả hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 216/2020/HĐBD/TGG/01 ngày 16/11/2020 và Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 112/2021/HĐTD/TGG/01 ngày 05/5/2021 để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn Công ty V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn Công ty Thành Vươn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nhưong không tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ luật dân sự do vắng mặt nhiều lần tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 117, 119 Bộ Luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, cụ thể:

Buộc Công ty V và ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vay (gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) của Hợp đồng vay số 216/2020/HĐTD/TGG/01 ngày 16/01/2020 và Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 112/2020/HĐTD/TGG/02 ngày 05/5/2021.

Lãi suất tiếp tục được tính đến khi Công ty V và ông N thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay số 216/2020/HĐTD/TGG/01 ngày 16/01/2020 và Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 112/2020/HĐTD/TGG/02 ngày 05/5/2021.

Buộc Công ty V trả cho Ngân hàng số tiền vay (gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) của Hợp đồng vay số 216/2020/HĐTD/TGG/02 ngày 16/01/2020, Đề nghị giải ngân ngày 27/5/2022 và Thẻ tín dụng quốc tế ngày 13/5/2021.

Lãi suất được tiếp tục tính đến khi Công ty V thanh toán xong khoản nợ vay theo Hợp đồng vay số 216/2020/HĐTD/TGG/02 ngày 16/01/2020, theo giấy Đề nghị

giải ngân ngày 27/5/2022, theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 13/5/2021.

Trường hợp Công ty V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay trên là xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại LUX SA 2.0/X7B2ALRVN, màu xám, số khung: RPXAB2RXGLV000151, số máy: 20031007VF20SUV, biển kiểm soát: 71A- 098.72, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020641 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 13/11/2020 và xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại LUX SA 2.0 PLUS/X7B2ALRVN, màu đỏ, số khung: RPXAB2RXGMV002748, số máy: 210830013VF20SUV, biển kiểm soát: 71A- 110.07, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71001393 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/4/2021 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số số 216/2020/HĐBD/TGG-01 ngày 16/11/2020 và Hợp đồng vay kiêm thế chấp số 112/2021/HĐTD/TGG/01 ngày 05/5/2021.

- Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông N liên đới cùng Công ty V trả cho Ngân hàng ba khoản tiền vay còn nợ theo các Hợp đồng vay gồm: Hợp đồng vay số 216/2020/HĐTD/TGG/02 ngày 16/01/2020, số tiền vay theo giấy Đề nghị giải ngân ngày 27/5/2022 và số tiền nợ thẻ tín dụng quốc tế ngày 13/5/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng TMCP T (ghi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc cá nhân Công ty TNHH MTV Xây dựng V (ghi tắt là Công ty V) và buộc Công ty V cùng ông Phan Văn N liên đới trả số nợ vay theo các Hợp đồng tín dụng, theo thỏa thuận đã ký và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Theo các hợp đồng tín dụng và theo thỏa thuận giữa các bên thì Công ty V có trụ sở tại xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Ông N là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty V, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty V và ông N.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Nhất T2 có mặt, những người khác đều vắng mặt. Tuy nhiên, theo các Giấy ủy quyền số 02/2023/UQ-TPB.HĐQT ngày 30/5/2023 và số 05/2023/UQ-TPB.HĐQT ngày 18/10/2023 thì nguyên đơn ủy quyền cho một, một số hoặc tất cả; theo Giấy ủy quyền số 527/2023/UQ-TPB.DR ngày 08/8/2023 thì nếu một trong hai người là ông T2 và ông Phạm Anh T3 vắng mặt thì người còn lại vẫn được toàn quyền đại diện cho nguyên đơn thực hiện công việc ủy quyền mà không phụ thuộc vào sự vắng mặt của người kia, ý kiến của người này cũng chính là ý kiến của người kia. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là phù hợp theo quy định.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng về việc yêu cầu bị đơn Công ty V trả nợ cho Ngân hàng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện Ngân hàng thì Công ty V có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, gồm:

- Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/01 ngày 16/11/2020 và Khế ước giải ngân và nhận nợ ngày 16/11/2020: số tiền vay là 970.000.000 (chín trăm bảy mươi triệu) đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe; thời hạn vay là 84 tháng; lãi suất từ ngày 16/11/2020 đến ngày 16/11/2021 là 7%/năm, từ sau ngày 16/11/2021 thì sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,3%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc là trả nhiều lần theo lịch trả nợ của Ngân hàng, định kỳ 01 tháng/lần (theo đó mỗi tháng Công ty V phải trả nợ gốc là 11.547.619 (mười một triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm mười chín) đồng); kỳ hạn trả nợ lãi là 01 tháng/lần vào ngày 05 theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền 970.000.000 (chín trăm bảy mươi triệu) đồng cho Công ty TNHH kinh doanh Thương mại dịch vụ V1 qua tên tài khoản Công ty TNHH kinh doanh Thương mại dịch vụ V1, số tài khoản 19135192838189 tại Ngân hàng T1 - Hội sở Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay số 2016/2020/HDTD/TGG/02 ngày 16/11/2020 và Khế ước giải ngân và nhận nợ ngày 16/11/2020: số tiền vay là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng, mục đích vay là thanh toán phí bảo hiểm; thời hạn vay là 84 tháng; lãi suất từ ngày 16/11/2020 đến ngày 16/02/2021 là 13,7%/năm, từ sau ngày 16/02/2021 thì sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 6,2%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc là trả nhiều lần theo lịch trả nợ của Ngân hàng, định kỳ 01 tháng/lần (theo đó mỗi tháng Công ty V phải trả nợ gốc là 214.286 (hai trăm mười bốn nghìn hai trăm tám mươi sáu) đồng); kỳ hạn trả nợ lãi là 01 tháng/lần vào ngày 05 theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng cho Tổng công ty cổ phần B qua tên tài khoản Tổng công ty cổ phần B, số tài khoản 2345 8668 001 tại Ngân hàng TPBANK.

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021 và Khế ước giải ngân và nhận nợ ngày 05/5/2021: số tiền vay là 974.000.000 (chín trăm bảy mươi bốn triệu) đồng; mục đích vay là thanh toán tiền mua xe; thời hạn vay là 84 tháng; lãi suất từ ngày 05/5/2021 đến ngày 05/5/2022 là 8,2%/năm, từ sau ngày 05/5/2022 thì sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,3%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc là trả nhiều lần theo lịch trả nợ của Ngân hàng, định kỳ 01 tháng/lần (theo đó mỗi tháng Công ty V phải trả nợ gốc là 11.595.238 (mười một triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi tám) đồng; kỳ hạn trả nợ lãi là 01 tháng/lần vào ngày 05 theo dư nợ thực tế. Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền 974.000.000 (chín trăm bảy mươi bốn triệu) đồng cho Công ty TNHH kinh doanh Thương mại dịch vụ V1 qua tên tài khoản Công ty TNHH kinh doanh Thương mại dịch vụ V1, số tài khoản 19135192838189 tại Ngân hàng T1 – Hội sở Hà Nội.

Tại Điều 3 Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021, điểm b khoản 5.2 Điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô số 1192/2019/QĐ-TPB.CB có hiệu lực ngày 06/11/2019 thì Ngân hàng được tự động ứng trước tiền phí bảo hiểm cho khách hàng, số tiền ứng trước này được coi là một khoản vay Ngân hàng cấp cho khách hàng với thời gian và lãi suất vay theo thông báo của Ngân hàng, khách hàng sẽ có trách nhiệm nhận nợ và thanh toán toàn bộ số tiền ứng trước, lãi và các phí phát sinh trong thời hạn theo thông báo của Ngân hàng. Thực tế, vào ngày 27/5/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho vay số tiền 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng; mục đích là thanh toán phí bảo hiểm vật chất xe; thời hạn là 06 tháng; lãi suất cố định là 18%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc và nợ lãi là ngày 05 hàng tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 05/6/2022. Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng vào tài khoản chuyên thu nhận phí, số tài khoản 8668.8668.026, chủ tài khoản Tổng công ty cổ phần B.

Ngoài ra, Công ty V còn lập Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp số 06/2021/TTD ngày 13/5/2021 đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng với hạn mức là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, Ngân hàng đồng ý. Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng với hạn mức là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, loại thẻ Platinum, lãi suất là 18,5%/năm, Công ty V đã nhận được thẻ tín dụng trên. Theo Giấy đăng ký của Công ty V thì Công ty V có xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các nội dung của Bản điều kiện, điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng công bố trên website. www.tpb.vn có hiệu lực tại thời điểm ký giấy đăng ký - là một phần không tách rời của giấy đăng ký, tạo thành một hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cho khách hàng doanh nghiệp giữa các bên và có hiệu lực kể từ ngày được Ngân hàng xác nhận, đóng dấu. Theo Quyết định ban hành lãi suất cho vay thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp số 296/2019/QĐ-TPB.NHDN ngày 05/4/2019 của Ngân hàng thì mức lãi suất là 18,5%/năm.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Công ty V đã ký các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 216/2020/HDBD/TGG/01 ngày 16/11/2020, theo đó thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại LUX SA2.0/X7B2ALRVN, màu xám, số khung RPXAB2RXGLV00151, số máy 200310007VF20SUV, biển kiểm soát 71A-098.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020641 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 13/11/2020.

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021, theo đó thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại LUX SA2.0 PLUS/X7B2ALRVN, màu đỏ, số khung RPXAB2RXGMV002748, số máy 210830013VF20SUV, biển kiểm soát 71A-110.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71001393 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/4/2021.

Theo hai hợp đồng trên thì các tài sản thế chấp trên để đảm bảo có toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí, phạt, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ khác quy định tại tất cả các hợp đồng được ký kết giữa các bên bao gồm hợp đồng này và các hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng này.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Công ty V và ông N đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng Công ty V và ông N đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, các hợp đồng tín dụng, các hợp đồng thế chấp, thế tín dụng và thỏa thuận đã ký giữa các bên có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và thực hiện các thỏa thuận khác, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, cụ thể: đối với Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/01 ngày 16/11/2020, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 05/8/2022; đối với Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/02 ngày 16/11/2020 Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 07/6/2022; đối với Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 06/6/2022; đối với việc Ngân hàng đã giải ngân cho vay số tiền 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 07/6/2022; đối với Thẻ tín dụng, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 11/8/2022. Ngày 07/10/2021, Công ty V có lập Đề nghị hỗ trợ để đề nghị Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Ngân hàng đồng ý và đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Công ty V. Tuy nhiên, Công ty V vẫn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn và khởi kiện ngày 07/7/2023 cho Công ty V nhưng Công ty V vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Tại Điều 5 của Thỏa thuận chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại TPBank thì khi không hoàn trả đúng và đủ dư nợ thì Ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn, xử lý bất cứ tài sản bảo đảm và tài sản khác của khách hàng để thu hồi nợ. Tòa án đã nhiều lần triệu tập

hợp lệ Công ty V và ông N đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng Công ty V và ông N đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty V trả nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng, Thẻ tín dụng, thỏa thuận khác và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký nêu trên là có cơ sở nên được chấp nhận. Tính đến ngày 13/9/2024, Công ty V có nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ tổng cộng là 2.304.081.870 (hai tỷ ba trăm lẻ bốn triệu không trăm tám mươi một nghìn tám trăm bảy mươi) đồng, gồm:

+ Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/01 ngày 16/11/2020: tổng số nợ là 985.689.984 đồng, gồm nợ gốc là 727.500.001 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.405.049 đồng, nợ lãi quá hạn là 238.784.934 đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021: tổng số nợ là 1.137.817.531 đồng, gồm nợ gốc là 806.666.668 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.929.996 đồng, nợ lãi quá hạn là 301.220.867 đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/02 ngày 16/11/2020: tổng số nợ là 20.597.506 đồng, gồm nợ gốc là 13.928.566 đồng, nợ lãi trong hạn là 472.064 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.196.876 đồng.

+ Ngân hàng đã giải ngân cho vay số tiền 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng ngày 27/5/2022: tổng số nợ là 16.025.593 đồng, gồm nợ gốc là 10.083.333 đồng, nợ lãi trong hạn là 452.507 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.489.753 đồng.

+ Thẻ tín dụng theo Giấy đăng ký kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp số 06/2021/TTD ngày 13/5/2021: tổng số nợ là 143.951.256 đồng, gồm nợ gốc là 91.958.693 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.843.161 đồng, nợ lãi quá hạn là 49.149.402 đồng.

Đồng thời, Công ty V còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 14/9/2024 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N liên đới cùng bị đơn Công ty V trả nợ cho Ngân hàng:

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông N liên đới cùng Công ty V trả cho Ngân hàng số nợ theo Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/02 ngày 16/11/2020, Thẻ tín dụng theo Giấy đăng ký kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp số 06/2021/TTD ngày 13/5/2021, việc Ngân hàng đã giải ngân cho vay số tiền 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng ngày 27/5/2022. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông N liên đới cùng Công ty V trả cho Ngân hàng số nợ theo Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/01 ngày

16/11/2020 và Hợp đồng cho vay số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021, xét thấy: Ông N có ký 02 Cam kết trả nợ/thực hiện nghĩa vụ tín dụng thay vào 16/11/2020 và ngày 05/5/2021, theo đó ông N đều cam kết trong trường hợp Công ty V không thanh toán được nợ gốc và/hoặc nợ lãi/hoặc các nghĩa vụ tín dụng khác của Hợp đồng với bất kỳ lý do gì, ông cam kết một cách vô điều kiện và không hủy ngang về việc chịu trách nhiệm thay cho Công ty V trả đầy đủ toàn bộ dư nợ gốc và bất kỳ khoản lãi, phí, chi phí, phạt hợp đồng, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác mà Công ty nợ/có nghĩa vụ thực hiện và phải trả/thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và theo đúng yêu cầu của Ngân hàng. Các cam kết này là một phần không tách rời của Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/01 ngày 16/11/2020 và Hợp đồng cho vay số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021. Như đã phân tích ở trên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và thực hiện thỏa thuận khác, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Công ty V và ông N đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng Công ty V và ông N đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện trên của Ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận, buộc Công ty V và ông N liên đới trả cho Ngân hàng tổng số nợ là 2.123.507.515 (hai tỷ một trăm hai mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn năm trăm mười lăm) đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 74.470.150 (bảy mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn một trăm năm mươi) đồng Công ty V và ông N phải liên đới nộp.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận, buộc Công ty V trả cho Ngân hàng tổng số nợ là 180.574.355 (một trăm tám mươi triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi lăm) đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.028.718 (chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm mười tám) đồng Công ty V phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 119 và Điều 166 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T:

- Buộc Công ty TNHH MTV Xây dựng V và ông Phan Văn N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số nợ vay tổng cộng là 2.123.507.515 (hai tỷ một trăm hai mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn năm trăm mười lăm) đồng, cụ thể:

+ Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/01 ngày 16/11/2020: tổng số nợ là 985.689.984 (chín trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn) đồng, gồm nợ gốc là 727.500.001 (bảy trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn không trăm lẻ một) đồng, nợ lãi trong hạn là 19.405.049 (mười chín triệu bốn trăm lẻ năm nghìn không trăm bốn mươi chín) đồng, nợ lãi quá hạn là 238.784.934 (hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi bốn) đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 112/2021/HDTD/TGG/01 ngày 05/5/2021: tổng số nợ là 1.137.817.531 (một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm mười bảy nghìn năm trăm ba mươi một) đồng, gồm nợ gốc là 806.666.668 (tám trăm lẻ sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi tám) đồng, nợ lãi trong hạn là 29.929.996 (hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi chín nghìn chín trăm chín mươi sáu) đồng, nợ lãi quá hạn là 301.220.867 (ba trăm lẻ một triệu hai trăm hai mươi nghìn tám trăm sáu mươi bảy) đồng.

- Buộc Công ty TNHH MTV Xây dựng V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số nợ vay tổng cộng là 180.574.355 (một trăm tám mươi triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi lăm) đồng, cụ thể:

+ Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/02 ngày 16/11/2020: tổng số nợ là 20.597.506 (hai mươi triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm lẻ sáu) đồng, gồm nợ gốc là 13.928.566 (mười ba triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi sáu) đồng, nợ lãi trong hạn là 472.064 (bốn trăm bảy mươi hai nghìn không trăm sáu mươi bốn) đồng, nợ lãi quá hạn là 6.196.876 (sáu triệu một trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi sáu) đồng.

+ Ngân hàng đã giải ngân cho vay số tiền 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng ngày 27/5/2022: tổng số nợ là 16.025.593 (mười sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi ba) đồng, gồm nợ gốc là 10.083.333 (mười triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, nợ lãi trong hạn là 452.507 (bốn trăm năm mươi hai nghìn năm trăm lẻ bảy) đồng, nợ lãi quá hạn là 5.489.753 (năm triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi ba) đồng.

+ Thẻ tín dụng theo Giấy đăng ký kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế danh cho khách hàng doanh nghiệp số 06/2021/TTD ngày 13/5/2021: tổng số nợ là

143.951.256 (một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi một nghìn hai trăm năm mươi sáu) đồng, gồm nợ gốc là 91.958.693 (chín mươi một triệu chín trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi ba) đồng, nợ lãi trong hạn là 2.843.161 (hai triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn một trăm sáu mươi một) đồng, nợ lãi quá hạn là 49.149.402 (bốn mươi chín triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm lẻ hai) đồng.

Công ty TNHH MTV Xây dựng V và ông Phan Văn N còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng, thỏa thuận trên kể từ ngày 14/9/2024 đến khi Công ty TNHH MTV Xây dựng V và ông Phan Văn N trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP T.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Xây dựng V và ông Phan Văn N không trả hoặc trả không đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP T thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 216/2020/HDBD/TGG/01 ngày 16/11/2020 và Hợp đồng thế chấp số 112/2021/HDBD/TGG/01 ngày 05/5/2021, theo đó thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại LUX SA2.0/X7B2ALRVN, màu xám, số khung RPXAB2RXGLV00151, số máy 200310007VF20SUV, biển kiểm soát 71A-098.72 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 020641 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 13/11/2020 và xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, số loại LUX SA2.0 PLUS/X7B2ALRVN, màu đỏ, số khung RPXAB2RXGMV002748, số máy 210830013VF20SUV, biển kiểm soát 71A-110.07 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71001393 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/4/2021.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T về việc yêu cầu ông Phan Văn N có trách nhiệm liên đới cùng Công ty TNHH MTV Xây dựng V trả số nợ theo Hợp đồng cho vay số 216/2020/HDTD/TGG/02 ngày 16/11/2020, Thẻ tín dụng theo Giấy đăng ký kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp số 06/2021/TTD ngày 13/5/2021 và việc Ngân hàng đã giải ngân cho vay số tiền 12.100.000 (mười hai triệu một trăm nghìn) đồng ngày 27/5/2022.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 74.470.150 (bảy mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn một trăm năm mươi) đồng do Công ty TNHH MTV Xây dựng V và ông Phan Văn N phải liên đới nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.028.718 (chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm mười tám) đồng do Công ty TNHH MTV Xây dựng V phải nộp.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.672.000 (ba mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001683 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Phương Yến